

Số: 19/TB-CCTT&BVTV

Vinh Phúc, ngày 13 tháng 5 năm 2020

THÔNG BÁO
TÌNH HÌNH SINH VẬT HẠI CÂY TRỒNG 7 NGÀY
(Từ ngày 06/05 đến ngày 12/05/2020)

I. TÌNH HÌNH THỜI TIẾT VÀ SINH TRƯỞNG CỦA CÂY TRỒNG

1. Thời tiết

Trong tuần trời nắng nóng, mưa rào rải rác. Lượng mưa đo được tại Vinh Yên 30 mm (thấp hơn CKNT). Nhiệt độ trung bình 30,7⁰C (cao hơn CKNT), cao nhất 37⁰C, thấp nhất 25⁰C.

Âm độ trung bình 69,3 - 78,6% (thấp hơn CKNT).

Số giờ nắng đạt 50 - 57 giờ (cao hơn CKNT).

2. Cây trồng và giai đoạn sinh trưởng

Diện tích gieo trồng vụ Xuân 2020 ước đạt 38.337,6 ha:

- Lúa xuân:

+ Lúa Xuân sớm: 3.005,3 ha (chín - thu hoạch);

+ Lúa Xuân muộn 26.802,8 ha (trở - chắc xanh - đỏ đuôi).

- Ngô: 2.154,9 ha (chắc hạt - thu hoạch);

- Đậu tương: 90,4 ha (quả già);

- Lạc: 1.593,2 ha (củ già);

- Khoai lang: 268,1 ha (phát triển củ)

- Rau các loại: 2.468,7 ha (các giai đoạn);

- Cây trồng khác: 1.950,3 ha (các giai đoạn).

Trong tuần trời nắng nóng, có mưa rào rải rác, cây trồng sinh trưởng, phát triển tốt. Một số đối tượng sâu, bệnh gây hại nhẹ - trung bình, nặng cục bộ.

II. NHẬN XÉT TÌNH HÌNH SINH VẬT HẠI 7 NGÀY QUA

Trưởng thành vào bẫy đèn (con/đèn/đêm): Sâu đục thân 2 chấm 0,12 con (cao hơn kỳ trước), nơi cao 2 con (Vĩnh Tường); Sâu đục thân cú mèo 0,02 con (thấp hơn kỳ trước), nơi cao 1 con (Vĩnh Tường); Rầy nâu 4,98 con (cao hơn kỳ trước), nơi cao 31 con (Sông Lô); Rầy lưng trắng 4,06 con (thấp hơn kỳ trước), nơi cao 57 con (Sông Lô); Rầy xanh đuôi đen 0,2 con (cao hơn kỳ trước), nơi cao 5 con (Sông Lô); Sâu cuốn lá nhỏ 2,47 con (cao hơn kỳ trước), nơi cao 28 con (Lập Thạch).



1. Trên lúa

- Trên lúa Xuân sớm

+ Bệnh đạo ôn gây hại cục bộ, tỷ lệ bông hại phổ biến 0,3 - 0,5%, cao 1 - 3%, cục bộ > 10% (Bình Xuyên).

+ Rầy nâu, rầy lưng trắng (rầy cám, tuổi 3, 4, 5, TT) hại rải rác, mật độ phổ biến 100 - 300 con/m², cao 1.000 - 2.000 con/m², cục bộ > 3.000 con/m² (Lập Thạch, Bình Xuyên).

+ Bệnh khô vằn gây hại diện rộng, tỷ lệ danh hại phổ biến 3 - 5%, nơi cao 10 - 20%, cục bộ > 40% (Bình xuyên).

+ Bệnh bạc lá, đốm sọc vi khuẩn gây hại cục bộ, tỷ lệ lá hại phổ biến 3 - 4%, nơi cao > 20% (Bình Xuyên).

- Trên lúa Xuân muộn

+ Chuột gây hại nhẹ - trung bình một số diện tích cây muộn, tỷ lệ danh hại phổ biến 1 - 2%, cao 3 - 5%, (Sông Lô, Tam Dương).

+ Bệnh khô vằn gây hại diện rộng, tỷ lệ danh hại phổ biến 4 - 6%, nơi cao 10 - 20%, cục bộ > 40% (Tam Dương, Phúc Yên, Bình Xuyên,...).

+ Bệnh bạc lá gia tăng gây hại sau mưa bão, tỷ lệ lá hại phổ biến 3 - 4%, nơi cao 10 - 20%, cục bộ > 40% (Tam Đảo, Yên Lạc, Bình Xuyên...).

+ Bệnh đạo ôn cổ bông gây hại cục bộ, tỷ lệ bông hại phổ biến 0,3 - 0,5%, cao 5 - 10%, cục bộ > 20% (Phúc Yên).

+ Rầy nâu, rầy lưng trắng (tuổi 3, 4, 5, TT) hại rải rác, mật độ phổ biến 100 - 200 con/m², cao 500 - 800 con/m², cục bộ > 1.000 con/m² (Tam Đảo).

+ Sâu cuốn lá nhỏ hại rải rác diện tích lúa cây sau, trở muộn, mật độ phổ biến 5 - 7 con/m², cao 10 - 15 con/m², cục bộ > 40 con/m² (Vĩnh Tường, Yên lạc, Bình Xuyên).

Ngoài ra: Châu chấu, sâu đục thân gây hại rải rác.

2. Trên cây rau, màu

- Trên cây rau thập tự: Sâu tơ, sâu xanh, sâu khoang gây hại nhẹ, mật độ sâu xanh phổ biến 0,3 - 0,5 con/m², cao 2 - 3 con/m² (Phúc Yên, Vĩnh Yên).

- Trên cây dưa chuột: Bệnh sương mai, phấn trắng gây hại nhẹ, tỷ lệ lá hại phổ biến 0,3 - 0,5%, cao 3 - 5%, cục bộ > 10% (Tam Dương).

- Trên cây ngô: Sâu keo mùa thu gây hại cục bộ, mật độ phổ biến 0,3 - 0,5 con/m², cao 2 - 3 con/m² (Yên Lạc).

3. Cây ăn quả (nhãn, vải, xoài)

- Cây nhãn, vải: Bệnh sương mai, nhện lông nhung gây hại rải rác, tỷ lệ cành lá hại phổ biến 2 - 3%, cao 10 - 13% (Sông Lô). Ngoài ra bọ xít, bệnh thán thư, nhện gây hại rải rác.

- Cây xoài: Bệnh thán thư gây hại cục bộ.

4. Cây lâm nghiệp (thông, keo): Sâu róm thông, sâu kèn nhỏ gây hại với mật độ thấp.

III. DỰ BÁO TÌNH HÌNH SINH VẬT GÂY HẠI TỪ NGÀY 13/05 - 19/05

1. Trên lúa

- Trên lúa Xuân sớm: Lúa chín và thu hoạch xong.

- Trên lúa Xuân muộn: Sâu đục thân, chuột, rầy, sâu cuốn lá nhỏ, bệnh đạo ôn, bệnh khô vằn... hại rải rác. Chú ý bệnh bạc lá, sâu cuốn lá nhỏ đối với diện tích lúa trổ muộn sau 10/05 cần theo dõi và có biện pháp phòng chống kịp thời.

2. Cây ngô: Chú ý theo dõi sâu keo mùa thu phát sinh gây hại để có biện pháp phòng chống kịp thời.

3. Cây rau

- Trên cây cà chua, dưa chuột: Bệnh héo xanh, sương mai, giả sương mai, phấn trắng tiếp tục phát sinh gây hại rải rác.

- Trên rau thập tự: Bọ nhảy, sâu khoang, sâu xanh, bệnh sương mai gia tăng gây hại.

- Trên cây su su: Bệnh sương mai gia tăng gây hại cục bộ.

4. Cây ăn quả (nhãn, vải, xoài)

- Cây nhãn, vải: Nhện lông nhung, bệnh sương mai gây hại nhẹ.

- Cây xoài: Sâu bệnh gây hại rải rác.

IV. ĐỀ NGHỊ VÀ CÁC BIỆN PHÁP QUẢN LÝ

1. Đề nghị

- Thu hoạch nhanh gọn diện tích lúa Xuân đã chín với phương châm ‘xanh nhà hơn già đồng’ để tránh lũ tiểu mẫn, rầy nâu gây hại. Thu hoạch đến đâu cày vùi gốc rạ ngay đến đó, đồng thời sử dụng vôi bột hoặc một số chế phẩm để xử lý rơm rạ nhằm hạn chế nguồn sâu bệnh chuyển sang vụ mùa.

- Theo dõi chặt chẽ diễn biến thời tiết; thường xuyên thăm đồng, kiểm tra, theo dõi phát hiện sớm các đối tượng sâu bệnh hại để chủ động có biện pháp phòng chống kịp thời (chú ý rầy, bệnh đạo ôn, bệnh khô vằn, bệnh bạc lá, đốm sọc vi khuẩn, chuột, sâu đục thân, sâu cuốn lá... hại lúa) nhất là trà lúa Xuân muộn.

- Thực hiện tốt các biện pháp IPM, ICM, SRI, VietGAP; thu hoạch sản phẩm rau màu đảm bảo thời gian cách ly khi phun thuốc BVTV lần cuối theo hướng dẫn của nhà sản xuất trên bao bì.

- Thực hiện tốt công tác quản lý việc buôn bán và sử dụng phân bón, thuốc BVTV; công tác kiểm dịch thực vật nội địa trên địa bàn tỉnh.

2. Biện pháp quản lý

- Đối với diện tích lúa bị bệnh đạo ôn, khi tỷ lệ bệnh từ 5% lá hại; 2,5% bông hại dùng: Filia 525SE, Bankan 600WP, Amistar Top 325SC, Fuji-One 40EC,... Những ruộng bệnh nặng trên 20% lá hại cần phun nhắc lại lần 2 cách lần 1 từ



5 - 7 ngày. Giữ mực nước trên ruộng từ 3 - 5cm, ngừng bón các loại phân cho đến khi vết bệnh dừng hẳn mới chăm sóc tiếp.

- Đối với diện tích lúa rầy nâu, rầy lưng trắng hại; thời kỳ đòng khi mật độ trên 750 con/m² : Dùng thuốc Midan 10WP , Actara 25WG, Chess 50WG, Sutin 5EC...; thời kỳ chắc xanh khi mật độ trên 3.000 con/m²: Cần rẽ băng rộng từ 0,8 - 1 m, dùng thuốc Bassa 50EC, Nibas 50EC, Vibasa 50EC, Jetan 50EC... Nếu mật độ cao trên một vạn con/m² cần phun nhắc lại lần 2 cách lần 1 từ 5 - 7 ngày.

- Đối với những diện tích lúa bị bệnh bạc lá, đốm sọc vi khuẩn cần phun ngay bằng các loại thuốc: Totan 200WP, Ychatot 900SP, Avalon 8WP, Kasumin 2SL, Starner 20WP... Những ruộng bệnh nặng trên 40% lá hại cần phun nhắc lại lần 2 cách lần 1 từ 5 - 7 ngày.

- Đối với những diện tích lúa bị bệnh khô vằn, khi có 10% danh hại dùng: Tiltsuper 300EC, Validacin 5L, Lervil 50SC, Anvil 5SC, Jिंगgang meisu 3SL, ...

- Đối với sâu đục thân, sâu cuốn lá dùng: Virtako 40WG, Pattox 95SP, Nitox 30EC, Alphatox 25EW...

- Khi phun thuốc cần thực hiện theo nguyên tắc “4 đúng” và theo hướng dẫn của nhà sản xuất ghi trên bao bì.

- Thăm đồng thường xuyên để phát hiện và xử lý kịp thời các đối tượng sâu bệnh hại trên đồng ruộng.

- Tích cực thực hiện các biện pháp thủ công bắt sâu non, vọt bướm, ngắt ổ trứng, sử dụng các loại bẫy bắt chuột; bẫy dính, bẫy màu vàng, bả chua ngọt để tiêu diệt trưởng thành một số loại sâu hại.

Trên đây là Thông báo tình hình sinh vật hại cây trồng 7 ngày (từ ngày 06/05 - 12/05/2020), Chi cục Trồng trọt & BVTV Vĩnh Phúc trân trọng thông báo./.

Nơi nhận:

- Cục BVTV (b/c);
- VP UBND tỉnh (b/c);
- Sở NN&PTNT (b/c);
- Cục Thống kê tỉnh;
- TT BVTV phía Bắc;
- Lãnh đạo Chi cục;
- Các đơn vị liên quan;
- Phòng NN&PTNT (Kinh tế) các huyện, thành phố;
- Lưu: VT, BVTV.

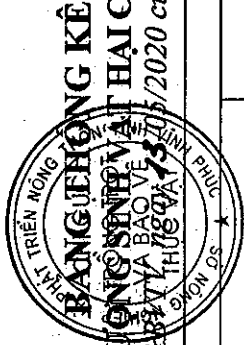
Cos/đ

CHI CỤC TRƯỞNG



Nguyễn Bá Tuệ

DIỆN TÍCH, MẬT ĐỘ VÀ PHÂN BỐ MỘT SỐ ĐỐI TƯỢNG SINH VẬT HẠI CHÍNH TRÊN CÂY TRỒNG TỪ NGÀY 06/05 - 12/05/2020
(Kèm theo Thông báo số 19/TB-CCIT&BTVA-BẢO VỆ THỰC VẬT 2020 của Chi cục Trồng trọt & BVTV Vĩnh Phúc)



Cây trồng	GDST	Sinh vật hại	Mật độ sâu, tỷ lệ hại						Diện tích nhiễm (ha)						DTN so CKNT (ha)	DTPT (ha)	Phân bố	
			ĐVT	Nhẹ	TB	Nặng	Tổng	Nhẹ	TB	Nặng	Mtr	Nhẹ	TB	Nặng				Mtr
Lúa xuân sớm	Chín - thu hoạch	Đạo ôn	%BH			35		0,5				0,5			+0,5			Cục bộ
		Rầy	Con/m ²	900	1.750	3.000		40		28	10	2			+34,3	15		Cục bộ
		Bệnh khô vằn	%DH	20	40			80		60	20				+48			Rải rác
		Bệnh bạc lá	%LH	8	13			10		3	3	4			+9,8			Cục bộ
Lúa xuân muộn	Trở - chắc xanh - đổ đui	Chuột	%DH	3,1	5			41		36	5			+41				Rải rác
		Rầy	Con/m ²	825	1.500			12		7	5			-118	2		Cục bộ	
		Khô vằn	%DH	10,9	25,2	42,4		1.420		995	330	95			-92	580		Rộng
		Đạo ôn cổ bông	%BH	3,1	7,5	25		17,8		15,5	2	0,3			+13,8	15,3		Cục bộ
		Bệnh bạc lá	%LH	12,75	24,6	48,8		115,8		53,5	21,5	40,8			+115,8	23,5		Rải rác
		Sâu cuốn lá nhỏ	Con/m ²	16,5	29,4	50		27,2		16	8	3,2			+22,2	26		Cục bộ
Cây ăn quả	Ra lộc - ra hoa	Sương mai	%LH	12,5				5		5				+5				Cục bộ
		Nhện lưng nhung	%CH	12,5				5		5				+5				Cục bộ
		Bọ xít	Con/cành	4				10		10				+7				Rải rác
Dưa chuột	Ra hoa, quả	Sương mai	%LH	16				20		20				+20	20			Rải rác
		Phấn trắng	%LH	10				10		10				+10	10			Rải rác
Ngô	Chắc hạt - chín	Sâu keo mùa thu	Con/m ²	2	4			0,5		0,3	0,2			+0,5				Cục bộ
		Tổng						1.814,8		1.264,3	404,7	145,8			691,8			

Ghi chú: GDST: Giai đoạn sinh trưởng; ĐVT: Đơn vị tính; TB: Trung bình; Mtr: Mật trắng; DTN: Diện tích nhiễm; LH: Lá hại; DH: Dánh hại; KH: Khóm hại; CH: Cây hại; CKNT: Cùng kỳ năm trước; PTTL: Phát triển thân lá; DTPT: Diện tích phòng trừ.

Cán bộ tổng hợp: KS. Đặng Thị Lương.